

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN  
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**



## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo Kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 33

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### 1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 85.000.000.000 VND.

### 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch
Ông Lương Minh Nhật	Thành viên
Ông Võ Xuân Sơn	Thành viên
Ông Trần Đại Hiền	Thành viên
Ông Lê Xuân Diệp	Thành viên
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Vũ Ngọc Phách	Trưởng ban
Ông Phan Đình Trung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Cao Quang	Phó Tổng Giám đốc

### 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

## 4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định cung cấp dịch vụ soát xét báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

## 5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
  
**NGUYỄN AN THÁI**

Số: 16.112/BCKT-DTL

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2016



**ĐẶNG XUÂN CẢNH**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



**LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1191-2013-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>71.400.381.994</b>	<b>70.684.887.264</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>4.097.605.962</b>	<b>19.388.759.188</b>
1. Tiền	111		3.797.605.962	2.588.759.188
2. Các khoản tương đương tiền	112		300.000.000	16.800.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>52.645.071.676</b>	<b>33.433.206.266</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	53.707.074.049	32.435.439.173
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		239.800.000	2.502.674.185
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	6.423.148.814	6.045.838.416
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(7.724.951.187)	(7.550.745.508)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.6	<b>14.580.838.161</b>	<b>17.701.521.810</b>
1. Hàng tồn kho	141		15.161.935.332	18.377.904.664
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(581.097.171)	(676.382.854)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>76.866.195</b>	<b>161.400.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	65.900.000	161.400.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.12	10.966.195	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>101.213.527.820</b>	<b>81.075.930.716</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>881.018.203</b>	<b>716.216.712</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	881.018.203	716.216.712
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>85.509.444.814</b>	<b>66.609.769.551</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	84.629.223.880	65.504.317.809
- Nguyên giá	222		191.921.857.204	156.596.174.903
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.292.633.324)	(91.091.857.094)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	880.220.934	1.105.451.742
- Nguyên giá	228		4.600.392.098	4.600.392.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.720.171.164)	(3.494.940.356)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>12.333.617.491</b>	<b>12.333.617.491</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		12.333.617.491	12.333.617.491
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.489.447.312</b>	<b>1.416.326.962</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	2.489.447.312	1.416.326.962
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>172.613.909.814</b>	<b>151.760.817.980</b>

(Xem tiếp trang sau)

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 01 - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>36.795.118.403</b>	<b>22.465.988.749</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>36.795.118.403</b>	<b>22.395.988.749</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	16.250.252.381	10.629.414.725
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.219.496.740	1.127.814.201
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	2.382.101.065	3.091.206.452
4. Phải trả người lao động	314		4.918.449.022	3.882.328.443
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.136.225.087	2.273.702.188
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.370.804.294	873.732.926
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	5.000.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		517.789.814	517.789.814
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>70.000.000</b>
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	70.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>135.818.791.411</b>	<b>129.294.829.231</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.14	<b>135.818.791.411</b>	<b>129.294.829.231</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.378.566.720	21.378.566.720
3. Cổ phiếu quỹ	415		(4.372.135.515)	(4.372.135.515)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.126.243.718	12.599.279.722
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.686.116.488	14.689.118.304
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.004.654.308	11.944.907.745
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.681.462.180	2.744.210.559
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>172.613.909.814</b>	<b>151.760.817.980</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

**LÊ NAM ĐỒNG**  
Kế toán trưởng

Lâm Đồng ngày 25 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI DUYỆT

**NGUYỄN AN THÁI**  
Tổng Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		264.639.787.737	184.866.905.287
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	264.639.787.737	184.866.905.287
3. Giá vốn hàng bán	11	6.2	200.093.344.797	147.809.099.894
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.546.442.940	37.057.805.393
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.615.603.898	3.401.289.564
6. Chi phí tài chính	22		64.003.960	46.162.015
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		31.166.333	-
7. Chi phí bán hàng	25	6.4	10.337.081.950	9.235.922.588
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	24.765.043.183	17.629.461.073
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.995.917.745	13.547.549.281
10. Thu nhập khác	31	6.6	687.264.939	312.706.507
11. Chi phí khác	32	6.7	305.747.967	923.623.497
12. Lợi nhuận khác	40		381.516.972	(610.916.990)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.377.434.717	12.936.632.291
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	6.459.722.537	2.397.352.370
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.917.712.180	10.539.279.921

NGƯỜI LẬP BIỂU

**LÊ NAM ĐỒNG**  
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI DUYỆT

**NGUYỄN AN THÁI**  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 03 - DN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33.377.434.717	12.936.632.291
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		16.737.654.029	15.352.917.406
Các khoản dự phòng	03		78.919.996	(820.359.107)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(275.660)	(50.449.377)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.766.925.803)	(3.380.125.101)
Chi phí lãi vay	06		31.166.333	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>46.457.973.612</b>	<b>24.038.616.112</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.579.618.145)	(10.927.077.614)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.215.969.332	1.860.639.745
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.786.048.949	5.649.535.723
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(977.620.350)	2.699.091.510
Tiền lãi vay đã trả	14		(31.166.333)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.285.991.110)	(1.545.976.178)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(62.707.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>32.585.595.955</b>	<b>21.712.121.300</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(36.431.863.959)	(12.096.164.852)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		292.727.273	165.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(193.900.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.474.198.530	3.073.721.341
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>(32.664.938.156)</b>	<b>(9.051.343.511)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	16.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(11.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(20.240.832.250)	(8.321.727.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<b>(15.240.832.250)</b>	<b>(8.321.727.100)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		<b>(15.320.174.451)</b>	<b>4.339.050.689</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		<b>19.388.759.188</b>	<b>15.049.708.499</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		29.021.225	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		<b>4.097.605.962</b>	<b>19.388.759.188</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ NAM ĐỒNG

Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2016  
 NGƯỜI DUYỆT  


NGUYỄN AN THÁI

Tổng Giám đốc

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 09 năm 2015.

Ngày 30 tháng 11 năm 2006, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 91/UBCK-GPNY ngày 30/11/2006. Ngày 20 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo số 820/TTGDHCM-NY ngày 14/12/2006 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 85.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 342 nhân viên (31/12/2014: 299 nhân viên).

#### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt, san lấp mặt bằng;
- Kinh doanh vận chuyển hàng;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản;
- Hoạt động xuất nhập khẩu;
- Trồng rừng.

#### **1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

## 1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Số 87, Đường Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	100%
2. Công ty CP Hiệp Thành	Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	60,02%	60,02%	60,02%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí Nghiệp Hiệp An	Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng
Xí Nghiệp Gạch ngói Tuynel Thanh Mỹ	Nghĩa Lập, Thanh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng
Xí Nghiệp Hiệp Tiến	Phường Lộc Tiến, Thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng
Xí Nghiệp Bê tông Hiệp Lực	87 Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt
Chi nhánh Công ty CP Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng_Bê tông LBM	Xã Đăk Wer, Huyện Đăk R'láp, Tỉnh Đăk Nông

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của các ngân hàng có giao dịch sau:
  - + Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam;
  - + Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
  - + Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng thương mại trên.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của các ngân hàng thương mại trên tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### 4.2. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.21.

### 4.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### 4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

## 4.6. Nợ phải thu

### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 4.7. Hàng tồn kho

### ***Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

### ***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Cuối kỳ tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

## 4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí đền bù, cấp quyền khai thác mỏ, công cụ dụng cụ... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Chi phí đền bù, phí cấp quyền khai thác mỏ được phân bổ theo thời gian giấy phép khai thác mỏ từ 04 đến 21 năm.

## 4.9. Tài sản cố định hữu hình

### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

### *Phương pháp khấu hao*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b>Năm 2015</b>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	02 – 16 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 12 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
▪ Cây lâu năm và tài sản khác	03 – 07 năm

## 4.10. Tài sản cố định vô hình

### *Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

## ***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại :

- 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng : đã trích hết khấu hao
- Xí nghiệp Hiệp Tiến: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Xí nghiệp Thạnh Mỹ : Quyền sử dụng đất có thời hạn 12 năm và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.

### ***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

### ***Chi phí thăm dò hầm mỏ***

Toàn bộ chi phí về các hoạt động nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ.

Khi thanh lý bán tài sản vô hình, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản vô hình được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

## **4.11. Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

## **4.12. Đầu tư tài chính**

### ***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

### ***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

#### ***Đầu tư vào công ty con***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

### ***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn***

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

## 4.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

## 4.14. Vốn chủ sở hữu

### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

### *Cổ phiếu quỹ*

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

### *Quỹ dự trữ*

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập quy định trong Điều lệ Công ty.

### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## 4.15. Doanh thu, thu nhập khác

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

## ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

## ***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

### **4.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **4.17. Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

### **4.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

### **4.19. Thuế**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

##### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

##### ***Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế:

- Xuất khẩu thành phẩm: 0%
- Các thành phẩm và dịch vụ khác: 10%

#### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

## 4.20. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

#### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 4.21. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

### Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	6.045.838.416	5.489.150.167
Tài sản ngắn hạn khác	-	556.688.249
Phải thu dài hạn khác	716.216.712	-
Tài sản dài hạn khác	-	716.216.712

### Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)

	Năm trước (Được báo cáo lại)	VND Năm trước (Đã được báo cáo trước đây)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	184.866.905.287	186.190.843.728
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(1.323.938.441)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	184.866.905.287	184.866.905.287
Thu nhập khác	312.706.507	404.594.328
Chi phí khác	923.623.497	1.015.511.318
Lợi nhuận khác	(610.916.990)	(610.916.990)

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích)

	Năm trước (Được báo cáo lại)	VND Năm trước (Đã được báo cáo trước đây)
Tăng, giảm các khoản phải thu	(10.927.077.614)	(10.886.942.623)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(62.707.998)	(102.842.989)

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong việc trình bày các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền mặt	59.664.448	25.324.719
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.737.941.514	2.563.434.469
Các khoản tương đương tiền	300.000.000	16.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.097.605.962</b>	<b>19.388.759.188</b>

### 5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty con:					
Công ty Cổ Phần Hiệp Thành	7.562.600.000	7.562.600.000	7.562.600.000	7.562.600.000	
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	4.771.017.491	4.771.017.491	4.771.017.491	4.771.017.491	
<b>Cộng</b>	<b>12.333.617.491</b>	<b>12.333.617.491</b>	<b>12.333.617.491</b>	<b>12.333.617.491</b>	

### 5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Cuối năm	VND Đầu năm
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	11.928.499.900	-
Các khách hàng khác	41.778.574.149	32.435.439.173
<b>Cộng</b>	<b>53.707.074.049</b>	<b>32.435.439.173</b>

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan  
– Xem thêm mục 9:

Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	2.529.933.000	2.529.933.000
Công ty Cổ Phần Hiệp Thành	-	1.758.900.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	2.736.574.750	1.649.737.200
<b>Cộng</b>	<b>5.266.507.750</b>	<b>5.938.570.200</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

**5.4. Phải thu khác**

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.587.046.052	-	786.605.274	-
Phải thu mảng xây lắp	4.425.873.866	(4.425.873.866)	4.425.873.866	(4.425.873.866)
Tạm ứng	212.711.016	-	556.688.249	-
Phải thu khác	197.517.880	(33.271.287)	276.671.027	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.423.148.814</u></b>	<b><u>(4.459.145.153)</u></b>	<b><u>6.045.838.416</u></b>	<b><u>(4.425.873.866)</u></b>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	881.018.203	-	716.216.712	-
<b>Cộng</b>	<b><u>881.018.203</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>716.216.712</u></b>	<b><u>-</u></b>
Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan – Xem thêm mục 9:				
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	1.587.046.052	-	786.605.274	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.587.046.052</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>786.605.274</u></b>	<b><u>-</u></b>

**5.5. Nợ xấu**

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn	3.451.860.104	186.054.070	3.130.626.141	5.754.499
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.459.145.153	-	4.425.873.866	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.911.005.257</u></b>	<b><u>186.054.070</u></b>	<b><u>7.556.500.007</u></b>	<b><u>5.754.499</u></b>

Ban Tổng giám đốc đánh giá khả năng thu hồi là thấp do một số khách hàng không thể liên lạc được và một số khách hàng đang tranh chấp.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Đầu năm			VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn	3.451.860.104	186.054.070	Từ 1 - 3 năm	3.130.626.141	5.754.499	Từ 2 - 3 năm	
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.459.145.153	-	Trên 3 năm	4.425.873.866	-	Trên 3 năm	
<b>Cộng</b>	<b><u>7.911.005.257</u></b>	<b><u>186.054.070</u></b>		<b><u>7.556.500.007</u></b>	<b><u>5.754.499</u></b>		

**5.6. Hàng tồn kho**

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	4.619.284.466	-	7.788.581.019	-	
Công cụ, dụng cụ	231.231.534	-	338.587.113	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	616.131.410	-	1.839.269.333	-	
Thành phẩm	7.707.597.321	(581.097.171)	6.661.442.811	(676.382.854)	
Hàng hóa	1.987.690.601	-	1.750.024.388	-	
<b>Cộng</b>	<b><u>15.161.935.332</u></b>	<b><u>(581.097.171)</u></b>	<b><u>18.377.904.664</u></b>	<b><u>(676.382.854)</u></b>	

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục							VND
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển dẫn tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>							
Số dư đầu năm	41.984.449.924	85.603.090.680	27.690.997.462	480.617.079	520.611.939	316.407.819	156.596.174.903
Mua trong năm	783.264.749	8.203.540.908	26.650.523.635	-	-	-	35.637.329.292
Tăng khác	-	2.568.207.613	78.182.141	-	-	-	2.646.389.754
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.568.207.613)	(389.829.132)	-	-	-	(2.958.036.745)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>42.767.714.673</b>	<b>93.806.631.588</b>	<b>54.029.874.106</b>	<b>480.617.079</b>	<b>520.611.939</b>	<b>316.407.819</b>	<b>191.921.857.204</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>							
Số dư đầu năm	19.227.654.917	54.063.104.760	16.737.261.986	322.702.613	441.962.865	299.169.953	91.091.857.094
Khấu hao trong năm	2.338.829.998	8.661.124.172	5.350.812.505	82.809.948	61.608.732	17.237.866	16.512.423.221
Tăng khác	-	1.357.847.690	78.182.141	-	-	-	1.436.029.831
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.357.847.690)	(389.829.132)	-	-	-	(1.747.676.822)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>21.566.484.915</b>	<b>62.724.228.932</b>	<b>21.776.427.500</b>	<b>405.512.561</b>	<b>503.571.597</b>	<b>316.407.819</b>	<b>107.292.633.324</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>							
Tại ngày đầu năm	22.756.795.007	31.539.985.920	10.953.735.476	157.914.466	78.649.074	17.237.866	65.504.317.809
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>21.201.229.758</b>	<b>31.082.402.656</b>	<b>32.253.446.606</b>	<b>75.104.518</b>	<b>17.040.342</b>	<b>-</b>	<b>84.629.223.880</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 43.322.233.861 VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

## 5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chi phí thăm dò hầm mỏ	Phần mềm máy vi tính	VND	
				Tổng cộng	
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	1.634.797.000	2.528.795.098	436.800.000	4.600.392.098	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.634.797.000</b>	<b>2.528.795.098</b>	<b>436.800.000</b>	<b>4.600.392.098</b>	
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	1.120.786.000	2.194.737.582	179.416.774	3.494.940.356	
Khấu hao trong kỳ	-	137.870.808	87.360.000	225.230.808	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.120.786.000</b>	<b>2.332.608.390</b>	<b>266.776.774</b>	<b>3.720.171.164</b>	
Giá trị còn lại:					
Tại ngày đầu năm	514.011.000	334.057.516	257.383.226	1.105.451.742	
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>514.011.000</b>	<b>196.186.708</b>	<b>170.023.226</b>	<b>880.220.934</b>	

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.995.131.520 VND.

## 5.9. Chi phí trả trước

Ngắn hạn:	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí đền bù, bóc phủ	65.900.000	161.400.000
<b>Cộng</b>	<b>65.900.000</b>	<b>161.400.000</b>
Dài hạn:		
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	1.532.891.585	491.778.006
Chi phí xây dựng trạm bê tông	-	402.783.733
Chi phí sửa chữa	-	521.765.223
Chi phí đền bù	947.283.000	-
Các khoản khác	9.272.727	-
<b>Cộng</b>	<b>2.489.447.312</b>	<b>1.416.326.962</b>

Trong đó các khoản chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Quyền khai thác mỏ Tam Bô	78.265.934	39.132.967
Quyền khai thác mỏ Thạnh Mỹ	209.005.000	313.507.500
Quyền khai thác mỏ Cam Ly	278.275.077	139.137.539
Quyền khai thác mỏ Đa Quý	514.864.622	-
Quyền khai thác mỏ Lộc Tân	(196.795.478)	-
Quyền khai thác mỏ Nthon Hạ	208.286.430	-
Quyền khai thác mỏ Tutra	440.990.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.532.891.585</b>	<b>491.778.006</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

**5.10. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	<b>Cuối năm</b>		<b>Trong năm</b>		<b>Đầu năm</b>		<b>VND</b>
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	-
Vay ngắn hạn Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng – Xem thêm mục 9	5.000.000.000	5.000.000.000	12.000.000.000	7.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

**5.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	7.380.220.580	7.380.220.580	4.588.395.134	4.588.395.134
Phải trả cho các đối tượng khác	8.870.031.801	8.870.031.801	6.041.019.591	6.041.019.591
<b>Cộng</b>	<b><u>16.250.252.381</u></b>	<b><u>16.250.252.381</u></b>	<b><u>10.629.414.725</u></b>	<b><u>10.629.414.725</u></b>
Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 9:				
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	7.380.220.580	7.380.220.580	4.588.395.134	4.588.395.134
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	742.148.655	742.148.655	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>8.122.369.235</u></b>	<b><u>8.122.369.235</u></b>	<b><u>4.588.395.134</u></b>	<b><u>4.588.395.134</u></b>

**5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	VND			
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	517.273.091	3.715.598.773	3.743.868.179	489.003.685
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.435.002.159	6.459.722.537	6.285.991.110	1.608.733.586
Thuế thu nhập cá nhân	72.855.255	372.269.487	416.008.237	29.116.505
Thuế tài nguyên	777.594.415	2.282.703.420	2.933.938.440	126.359.395
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	63.302.932	1.436.144.396	1.432.202.764	67.244.564
Các loại thuế khác	225.178.600	793.356.028	956.891.298	61.643.330
<b>Cộng</b>	<b><u>3.091.206.452</u></b>	<b><u>15.059.794.641</u></b>	<b><u>15.768.900.028</u></b>	<b><u>2.382.101.065</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

### 5.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối năm	VND Đầu năm
Trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường	881.018.203	716.216.712
Trích trước chi phí cấp quyền khai thác mỏ	-	1.526.410.928
Các khoản trích trước khác	255.206.884	31.074.548
<b>Cộng</b>	<b><u>1.136.225.087</u></b>	<b><u>2.273.702.188</u></b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

**5.14. Vốn chủ sở hữu****5.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					VND
	Vốn đầu tư của hữu chủ sở	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phối phân	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	11.736.854.018	13.333.991.187	127.077.276.410
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	10.539.279.921	10.539.279.921
Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.321.727.100)	(8.321.727.100)
Trích các quỹ	-	-	-	862.425.704	(862.425.704)	-
Số dư đầu năm nay	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	12.599.279.722	14.689.118.304	129.294.829.231
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	26.917.712.180	26.917.712.180
Trích các quỹ	-	-	-	526.963.996	(526.963.996)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.393.750.000)	(20.393.750.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>21.378.566.720</b>	<b>(4.372.135.515)</b>	<b>13.126.243.718</b>	<b>20.686.116.488</b>	<b>135.818.791.411</b>

(Xem trang tiếp theo)

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

## 5.14.2. Chi tiết vốn góp của cổ đông

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	
Tổ chức trong nước	61,0%	51.881.120.000	61,0%	51.886.580.000	
Tổ chức nước ngoài	2,9%	2.485.900.000	0,3%	248.000.000	
Cá nhân trong nước	34,6%	29.406.890.000	37,7%	32.025.870.000	
Cá nhân nước ngoài	1,4%	1.226.090.000	1,0%	839.550.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>100%</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>85.000.000.000</b>	

## 5.14.3. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(342.500)	(342.500)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.157.500	8.157.500
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

## 5.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	13.204,94	17.349,66
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Xóa sổ do không có khả năng thu hồi	2.965.949.443	2.965.949.443

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

### 6.1. Doanh thu bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán than, bentonite và giao khoán mỏ - Văn phòng công ty	17.077.913.260	12.638.673.617
Doanh thu gốm sứ nhiệt - Xí nghiệp Hiệp An	34.071.371.178	33.727.421.203
Doanh thu gạch - Xí nghiệp Thạnh Mỹ	21.289.480.671	22.806.252.093
Doanh thu cao lanh - Xí nghiệp Hiệp Tiến	40.173.511.425	29.450.150.580
Doanh thu bê tông - Xí nghiệp Hiệp Lực	152.027.511.203	86.244.407.794
<b>Cộng</b>	<b>264.639.787.737</b>	<b>184.866.905.287</b>
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan - Xem thêm mục 9:		
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	9.584.981.545	9.359.660.090
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	5.606.634.312	1.565.739.501
Công ty Cổ Phần Hiệp Thành	6.956.387.725	2.710.996.985
<b>Cộng</b>	<b>22.148.003.582</b>	<b>13.636.396.576</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

## 6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của hàng đã bán		
Giá vốn than, bentonite và giao khoán mỏ - Văn phòng công ty	18.236.983.126	16.475.371.939
Giá vốn gốm sứ nhiệt – Xí nghiệp Hiệp An	23.271.550.847	24.381.615.479
Giá vốn gạch – Xí nghiệp Thạnh Mỹ	15.387.867.114	16.978.576.988
Giá vốn cao lanh – Xí nghiệp Hiệp Tiến	29.887.818.962	25.338.323.395
Giá vốn bê tông – Xí nghiệp Hiệp Lực	113.404.410.431	64.799.672.532
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(95.285.683)	(164.460.439)
<b>Cộng</b>	<b>200.093.344.797</b>	<b>147.809.099.894</b>

## 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi	374.632.478	639.452.648
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.099.566.052	2.667.560.274
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	140.196.357	42.351.215
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	275.660	51.288.742
Doanh thu hoạt động tài chính khác	933.351	636.685
<b>Cộng</b>	<b>3.615.603.898</b>	<b>3.401.289.564</b>

## 6.4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nhân viên	4.911.610.565	2.584.903.219
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.434.053.300	1.904.685.802
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.272.727	46.965.314
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.074.776.625	2.194.142.245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.772.431	1.527.160.444
Chi phí bằng tiền khác	1.208.596.302	978.065.564
<b>Cộng</b>	<b>10.337.081.950</b>	<b>9.235.922.588</b>

## 6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	15.207.336.170	11.071.599.506
Chi phí vật liệu quản lý	1.028.051.357	1.280.847.943
Chi phí đồ dùng văn phòng	709.253.835	933.425.441
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.487.339.351	1.040.379.402
Thuế, phí và lệ phí	1.383.488.059	623.725.898
Chi phí dự phòng	208.285.679	(655.898.668)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	778.729.469	789.683.003
Chi phí bằng tiền khác	3.962.559.263	2.545.698.548
<b>Cộng</b>	<b>24.765.043.183</b>	<b>17.629.461.073</b>

## 6.6. Thu nhập khác

	Năm nay	VND Năm trước
Xử lý hàng tồn kho	167.182.594	205.341.472
Xử lý công nợ	1.903.493	188.499
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	292.727.273	73.112.179
Thu bồi thường hợp đồng	91.484.670	18.680.000
Thu nhập khác	133.966.909	15.384.357
<b>Cộng</b>	<b>687.264.939</b>	<b>312.706.507</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

## 6.7. Chi phí khác

	Năm nay	VND Năm trước
Thanh toán tiền trợ cấp thôi việc	-	159.549.458
Các khoản bị phạt	228.792.076	613.385.208
Các khoản khác	76.955.891	150.688.831
<b>Cộng</b>	<b>305.747.967</b>	<b>923.623.497</b>

## 6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	137.419.033.464	87.587.551.195
Chi phí nhân công	38.433.518.266	29.331.755.692
Chi phí khấu hao TSCĐ	16.737.654.029	15.352.917.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.239.513.899	29.497.343.100
Chi phí bằng tiền khác	11.426.433.072	9.597.370.480
<b>Cộng</b>	<b>235.256.152.730</b>	<b>171.366.937.873</b>

## 6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	33.377.434.717	12.936.632.291
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	295.142.081	627.984.208
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(4.310.201.635)	(2.667.560.274)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	29.362.375.163	10.897.056.225
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>6.459.722.537</b>	<b>2.397.352.370</b>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: các khoản phạt vi phạm hành chính và phần chi phí khấu hao vượt mức quy định.

Các khoản điều chỉnh giảm là thu nhập từ cổ tức sau thuế thu nhập doanh nghiệp nhận được, chi phí thanh lý TSCĐ đã tính thuế ở năm trước...

## 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

### 7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

Là khoản tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

### 7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Là khoản tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

## 8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận được trình bày trên báo cáo hợp nhất.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

## 9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ Phần Hiệp Thành	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con
4. Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT
5. Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Cuối năm</u>	<u>VND Đầu năm</u>
Phải thu khách hàng – Xem thêm mục 5.3:		
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	2.529.933.000	2.529.933.000
Công ty Cổ Phần Hiệp Thành	-	1.758.900.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	2.736.574.750	1.649.737.200
<b>Cộng</b>	<b>5.266.507.750</b>	<b>5.938.570.200</b>

	<u>Cuối năm</u>	<u>VND Đầu năm</u>
Phải thu khác – Xem thêm mục 5.4:		
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	1.587.046.052	786.605.274
<b>Cộng</b>	<b>1.587.046.052</b>	<b>786.605.274</b>

	<u>Cuối năm</u>	<u>VND Đầu năm</u>
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.11:		
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	(7.380.220.580)	(4.588.395.134)
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	(742.148.655)	-
<b>Cộng</b>	<b>(8.122.369.235)</b>	<b>(4.588.395.134)</b>

	<u>Cuối năm</u>	<u>VND Đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính – Xem thêm mục 5.10:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	(5.000.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>(5.000.000.000)</b>	<b>-</b>

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>VND Năm trước</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 6.1:		
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	9.584.981.545	9.359.660.090
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	5.606.634.312	1.565.739.501
Công ty Cổ Phần Hiệp Thành	6.956.387.725	2.710.996.985
<b>Cộng</b>	<b>22.148.003.582</b>	<b>13.636.396.576</b>

	<u>Năm nay</u>	<u>VND Năm trước</u>
Bán tài sản cố định:		
Công ty Cổ Phần Hiệp Thành	100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>





# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Giá trị ghi sổ		VND
	31/12/2015	01/01/2015	
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.097.605.962	19.388.759.188	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.073.578.863	31.090.060.544	
<b>Tổng cộng</b>	<b>57.171.184.825</b>	<b>50.478.819.732</b>	
<b>Công nợ tài chính</b>			
Phải trả người bán	16.250.252.381	10.629.414.725	
Vay	5.000.000.000	-	
Chi phí phải trả	1.136.225.087	2.273.702.188	
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.386.477.468</b>	<b>12.903.116.913</b>	

## Rủi ro tín dụng

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

	VND	
	31/12/2015	31/12/2014
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.097.605.962	19.388.759.188
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.073.578.863	31.090.060.544
<b>Cộng</b>	<b>57.171.184.825</b>	<b>50.478.819.732</b>

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu.

Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Thuyết minh 5.5 cung cấp những phân tích về phòng phải thu khó đòi.

## Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	VND		
	Vay và nợ	Nợ phải trả	Cộng
Dưới 01 năm	5.000.000.000	17.386.477.468	22.386.477.468
<b>Số dư ngày 31/12/2015</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>17.386.477.468</b>	<b>22.386.477.468</b>

	VND		
	Vay và nợ	Nợ phải trả	Cộng
Dưới 01 năm	-	12.903.116.913	12.903.116.913
<b>Số dư ngày 31/12/2014</b>	<b>-</b>	<b>12.903.116.913</b>	<b>12.903.116.913</b>

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

## Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất.

Nợ tài chính:	VND	
	2015	2014
Theo lãi suất thả nổi	5.000.000.000	-

Để quản lý rủi ro về lãi suất, Công ty duy trì một cơ cấu hợp lý giữa lãi suất thả nổi và lãi suất cố định.

## Phân tích độ nhạy cảm

Phân tích này được thực hiện đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi. Ban Giám đốc đánh giá rằng một khoản thay đổi về lãi suất là 1% có thể xảy ra vào cuối năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016. Ảnh hưởng về thay đổi lãi suất đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi, nếu đã xảy ra vào cuối niên độ hiện hành, đã được đánh giá về mặt thay đổi dòng tiền và chi phí và đã được định lượng như sau:

Một khoản tăng hoặc giảm 1% lãi suất sẽ tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế là 40.000.000 VND.

## 11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

## 12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 03 năm 2016.

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP



**LÊ NAM ĐỒNG**  
Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT



**NGUYỄN AN THÁI**  
Tổng Giám đốc